

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST

Ngày 23/5/2023.

V/v: Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Hội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tâm;
2. Ông Thông Minh Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Phan Thị Hoa – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Viết Diệu Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nguyệt N - sinh năm: 1973. Địa chỉ: khu phố X, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1974. Địa chỉ: thôn W, xã O, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông NLQ - sinh năm: 1972. Địa chỉ: khu phố X, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

-

Người đại diện theo ủy quyền của ông NLQ: Bà Nguyễn Thị Nguyệt N, sinh năm: 1973. Địa chỉ: khu phố X, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/8/2022). (có mặt)

- Ông Cao Văn Q, sinh năm: 1969. Địa chỉ: thôn W, xã O, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Nguyệt N (bà N đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NLQ) trình bày:

Trong năm 2021, bà nhiều lần bán bao bì ni lon cho bà Nguyễn Thị Thanh T để bà T đóng gói trái thanh long xuất khẩu, quá trình mua bán bao bì bà T còn nợ lại bà số tiền 108.000.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu đồng). Ngày 27/01/2022, bà T viết, ký giấy nhận nợ xác định lại tổng số tiền còn nợ và cam kết đến ngày 30/01/2022 trả trước cho bà 50.000.000 đồng, số tiền 58.000.000 đồng còn lại bà T hẹn hết tháng 02 năm 2022 sẽ trả cho bà. Tuy nhiên, đến nay bà T vẫn không thực hiện cam kết trả nợ, hiện nay bà Nguyễn Thị Thanh T vẫn còn nợ số tiền là 108.000.000 đồng.

Số tiền mà bà T đang nợ bà là tài sản chung của vợ chồng bà (chồng của bà là ông NLQ).

Quá trình mua bán bao bì với bà T, bà chỉ biết chồng bà T là ông Cao Văn Q. Tuy nhiên, việc mua bán bao bì bà chỉ giao dịch với bà T chứ không liên quan gì tới ông Cao Văn Q và ông Cao Văn Q cũng không tham gia gì trong việc mua bán bao bì đóng gói trái thanh long với bà T. Do vậy, bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho bà và ông NLQ số tiền 108.000.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu đồng), không yêu cầu ông Cao Văn Q phải liên đới chịu trách nhiệm với bà T trong việc trả số tiền nói trên cho vợ chồng bà; bà không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản Tòa án lấy lời khai ngày 24/02/2023 - bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Trong năm 2021, bà nhiều lần mua bao bì ni lon của bà Nguyễn Thị Nguyệt N để đóng gói trái thanh long xuất khẩu, quá trình mua bao bì, bà còn nợ lại bà N số tiền 108.000.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu đồng). Do chưa có tiền thanh toán, nên ngày 27/01/2022, bà viết, ký giấy nhận nợ xác định lại tổng số tiền còn nợ bà N và cam kết đến ngày 30/01/2022, trả trước cho bà N 50.000.000 đồng, số tiền 58.000.000 đồng còn lại hết tháng 02 năm 2022 sẽ trả. Tuy nhiên, do việc làm ăn gặp khó khăn nên từ đó đến nay bà vẫn chưa thực hiện cam kết trả nợ cho bà N.

Bà đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Nguyệt N và ông NLQ số tiền 108.000.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Cao Văn Q không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NLQ đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Cao Văn Q không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Qua lời khai của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nguyệt N về việc buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho bà Nguyễn Thị Nguyệt N và chồng bà là ông NLQ số tiền mua bao bì còn nợ là 108.000.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[2] Bà Nguyễn Thị Nguyệt N nộp đơn khởi kiện trực tiếp cho Tòa án, hình thức và nội dung đơn phù hợp quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị Nguyệt N yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả tiền với bà Nguyễn Thị Thanh T. Người bị kiện là bà Nguyễn Thị Thanh T cư trú tại huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Cao Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông Cao Văn Q.

[5] Về yêu cầu trả tiền: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Nguyệt N yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho vợ chồng nguyên đơn (chồng của bà N là ông NLQ) số tiền mua bao bì còn nợ là 108.000.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu đồng). Tòa án nhận thấy, tại biên bản Tòa án lấy lời khai ngày 24/02/2023 (bút lục 29) - bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T thừa nhận có mua bao bì của bà Nguyễn Thị Nguyệt N

và còn nợ lại bà N số tiền 108.000.000 đồng; ngoài ra bà T cũng thừa nhận chính bà là người viết, ký vào “Giấy nhận nợ” đề ngày 27/01/2022 do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án; trong “Giấy nhận nợ” nói trên, bà T cam kết đến ngày 30/01/2022, trả trước cho bà N 50.000.000 đồng, số tiền 58.000.000 đồng còn lại hết tháng 02 năm 2022 sẽ trả. Tuy nhiên, do việc làm ăn gặp khó khăn nên từ đó đến nay bà T không thực hiện cam kết trả nợ, vẫn chưa trả cho bà N số tiền 108.000.000 đồng.

[6] Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Căn cứ khoản 1 Điều 280 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền mua bao bì và còn nợ với số tiền là 108.000.000 đồng.

[7] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[8] Về trách nhiệm liên đới của ông Cao Văn Q: Tại đơn khởi kiện, lời khai của bà Nguyễn Thị Nguyệt N trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa, bà Nguyễn Thị Nguyệt N đều xác định, quá trình mua bán bao bì với bà T, bà chỉ biết chồng bà T là ông Cao Văn Q. Tuy nhiên, việc mua bán bao bì, bà chỉ giao dịch với bà T chứ không liên quan gì tới ông Cao Văn Q và ông Cao Văn Q cũng không tham gia gì trong việc buôn bán bao bì với bà T; do vậy, bà chỉ yêu cầu cá nhân bà T trả cho vợ chồng bà số tiền 108.000.000 đồng. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật; căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử không buộc ông Cao Văn Q phải chịu trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Thị Thanh T trong việc trả khoản nợ nói trên cho bà Nguyễn Thị Nguyệt N và ông NLQ.

[9] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nguyệt N được Tòa án chấp nhận nên bà N không phải chịu án phí sơ thẩm; bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về yêu cầu trả tiền: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nguyệt N; buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả số tiền 108.000.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt N và ông NLQ.

2. Về lãi suất do chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Nguyệt N số tiền 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006260 ngày 13/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

3.2. Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/5/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc Hội

